TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2024
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lợi
2. Ông Võ Minh Quang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Trương Thị Mỹ H**, sinh ngày: 31/12/1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Huề 2, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2023, bản tự khai ngày 12/12/2023, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H trình bày*:

Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, không lo gia đình, bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân từ tháng 03/2020 đến nay không có hàn gắn tình cảm. Quá trình chung sống, bà và ông T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 07/6/2008, bà đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Trương Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị Mỹ H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải và xét xử) đề ngày 23/02/2024.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Mỹ H vì còn thương vợ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 07/6/2008, theo nguyện vọng con chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng, có bao nhiêu ông cho con bấy nhiêu.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Mỹ H. Về con chung: Bà Trương Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 23/02/2024 và ngày 05/3/2024 (Bút lục số 32, 37). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo bà H trình bày là do ông T thường xuyên uống rượu, không lo gia đình, bất đồng quan điểm; ông T trình bày là do bà H không ở nhà để chăm lo gia

đình. Ông T trình bày vẫn còn thương vợ nhưng ông T không có giải pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân giữa ông T với bà H và hàn gắn tình cảm. Bà H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T và bà H không có văn bản thay đổi nào gửi Tòa án. Điều đó chứng tỏ bà H không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với ông T, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà H và ông T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T khai thống nhất, quá trình chung sống ông bà có chung với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 07/6/2008. Ly hôn bà H có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T khai nguyện vọng con chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của ông bà là con gái, nguyện vọng của cháu T là muốn sống chung với mẹ (Thể hiện tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 12/12/2023, bút lục số 25). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận bà H nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2023, bản tự khai ngày 12/12/2023, nguyên đơn bà H khai không có; biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024, bị đơn ông T khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét đến là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định.

[4] Về nợ chung:

Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trương Thị Mỹ H.

2. Bà Trương Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Bà Trương Thị Mỹ H được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 7/6/2008.

Ghi nhận bà Trương Thị Mỹ H không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của bà H và ông T chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), bà H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Nợ chung: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007460 ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã T (Số 28, quyển số 01/2005 ngày 06/4/2005);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương